TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 07 năm 2023. Giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T1 sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long;

2. *Bị đơn*: Anh Lê Thành T2, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 08 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 08 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Thành T2

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. ***Về con chung***: Anh Lê Thành T2 đồng ý giao con là Lê Quốc T3, sinh năm: 26/03/2019 cho chị Nguyễn Thị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị T1 không yêu cầu anh Lê Thành T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Quốc T3, sinh năm: 26/03/2019, nên không đặt ra để giải quyết.

Anh Lê Thành T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là Lê Quốc T3, sinh năm: 26/03/2019 mà không ai được cản trở.

2.2. ***Về tài sản chung:*** Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Thành T2 thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. ***Về nợ phải thu + Nợ phải trả***: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Thành T2 thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện nộp: 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} mà chị Nguyễn Thị T1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001940, ngày 06/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (300.000^{đ} – 150.000^{đ} = 150.000^{đ}). Nên chị Nguyễn Thị T1 được nhận lại số tiền chênh lệch là: 150.000^{đ} tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Hoàn trả lại cho anh Lê Thành T2 số tiền 300.000^{đ} mà anh Lê Thành T2 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001919, ngày 03/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 01;
- Chi cục Thi hành án DS thị xã Bình Minh: 01;
- UBND xã Mỹ Hòa, TX Bình Minh;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương